

BÁO CÁO

Sơ kết triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2024, giải pháp nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn huyện Phong Thổ

Thực hiện Kế hoạch số 2888/KH-UBND, ngày 25/07/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc sơ kết thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện, như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2024

I. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Kiện toàn các Ban chỉ đạo

- Cấp huyện: UBND huyện đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025¹, Quyết định kiện toàn thành viên Ban chỉ đạo, ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo đảm bảo theo đúng quy định.

- Cấp xã: Qua rà soát có 17/17 xã, thị trấn hoàn thành việc thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo; Ban Quản lý cấp xã cấp xã.

2. Công tác quản lý, tổ chức thực hiện

Trên cơ sở các Nghị quyết, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh. UBND huyện đã tập trung chỉ đạo, quán triệt và ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, ... các quyết định giao kế hoạch vốn trung hạn, hằng năm, đồng thời đưa ra các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tăng cường kiểm tra giám sát, chủ động phối hợp với các sở ban ngành tỉnh, cơ quan chuyên môn liên quan và UBND các xã, thị trấn thực hiện các nội dung theo quy chế hoạt động và nhiệm vụ được giao của Ban Chỉ đạo.

(Chi tiết hệ thống văn bản theo biểu Phụ lục I kèm theo)

¹ Các QĐ của UBND huyện Phong Thổ: Số 970/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Số 10/QĐ-BCĐ ngày 28/4/2023 ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Số 1690/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Số 42/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 về bổ sung một số nội dung Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 huyện Phong Thổ

3. Công tác truyền thông, thông tin về các chương trình mục tiêu quốc gia

- Trong 3,5 năm thực hiện chương trình, công tác tuyên truyền xây dựng các Chương trình MTQG tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm và đẩy mạnh, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện liên quan đến các Chương trình MTQG và các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân thông qua các cuộc họp, hội nghị giao ban tại các xã, các thôn. Các hoạt động thông tin, truyền thông, truyền thanh, truyền hình được tăng cường: Xây dựng 160 chương trình truyền hình, 412 chương trình truyền thanh, sử dụng trên 3.000 tin, 700 bài, cập nhật thường xuyên tin tức lên trang thông tin điện tử của huyện góp phần tuyên truyền hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn, tổng số lượt truy cập trang thông tin điện tử huyện trong giai đoạn gần 6 triệu lượt. Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện và các xã, thị trấn tổ chức được 6.274 cuộc với 469.921 lượt người tham gia. Tăng cường tuyên truyền lồng ghép nội dung xây dựng các Chương trình MTQG trong các cuộc họp, sinh hoạt cơ quan, đơn vị; trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các ban chỉ đạo để tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Kết quả công tác đào tạo, tập huấn giai đoạn 2021-2024, cụ thể:

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tổ chức 46 lớp với 3.495 lượt học viên tham gia.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, tổ chức 18 lớp với 2.073 lượt học viên.

+ Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức các lớp tập huấn hàng năm: Năm 2021-2023 tổ chức 06 lớp tập huấn về chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; 239 cán bộ, công chức cấp huyện, xã, ban phát triển thôn bản của 16/16 xã, hộ sản xuất kinh doanh và chủ thể OCOP được tham gia tập huấn nâng cao năng lực quản lý Chương trình.

II. CÔNG TÁC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM

1. Kế hoạch vốn và giải ngân

a) Tổng kế hoạch trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 được tỉnh giao là 982.258 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư là 621.886 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 360.372 triệu đồng, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 474.792 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư 279.894 triệu đồng; vốn sự nghiệp 195.598 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 466.358 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư 309.072 triệu đồng; vốn sự nghiệp 157.286 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 41.408 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư 33.920 triệu đồng; vốn sự nghiệp 7.408 triệu đồng.

b) Lũy kế vốn nguồn NSTW đã bố trí giai đoạn 2021-2024 là 731.624 triệu đồng, đạt 74% kế hoạch trung hạn vốn ngân sách trung ương giao, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 313.602 triệu đồng, đạt 66% kế hoạch trung hạn vốn ngân sách trung ương giao, trong đó vốn đầu tư 184.111 triệu đồng; vốn sự nghiệp 129.491 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 381.971 triệu đồng, đạt 82% kế hoạch trung hạn vốn ngân sách trung ương giao, trong đó vốn đầu tư 273.187 triệu đồng; vốn sự nghiệp 108.784 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 36.051 triệu đồng, đạt 87% kế hoạch trung hạn vốn ngân sách trung ương giao, trong đó vốn đầu tư 30.607 triệu đồng; vốn sự nghiệp 5.444 triệu đồng.

c) Giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2024 là 468.251 triệu đồng, đạt 64% kế hoạch vốn ngân sách trung ương giao, trong đó vốn đầu tư 379.914 triệu đồng; vốn sự nghiệp 88.336 triệu đồng, cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 183.344 triệu đồng, đạt 58% kế hoạch giao, trong đó vốn đầu tư 151.884 triệu đồng; vốn sự nghiệp 31.450 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 259.617 triệu đồng, đạt 68% kế hoạch giao, trong đó vốn đầu tư 205.380 triệu đồng; vốn sự nghiệp 54.327 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 25.300 triệu đồng, đạt 70% kế hoạch giao, trong đó vốn đầu tư 22.650 triệu đồng; vốn sự nghiệp 2.650 triệu đồng.

(Số liệu vốn đầu tư, vốn sự nghiệp theo mẫu Phụ lục V, VI kèm theo)

d) Số vốn dự kiến không thể giải ngân do không còn đối tượng hỗ trợ, không còn nhu cầu giải ngân đến hết năm 2025.

Tổng số vốn không còn nhu cầu giải ngân đến hết năm 2025 là 97.465 triệu đồng, cụ thể:

(I) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 91.007 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư: 11.647 triệu đồng; vốn sự nghiệp 79.360 triệu đồng.

Nguyên nhân, lý do không thể giải ngân:

*** Đối với vốn đầu tư: 11.647 triệu đồng.**

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt là 6.211 triệu đồng

+ Hỗ trợ đất ở là 1.680 triệu đồng, do không có đối tượng hỗ trợ.

+ Hỗ trợ đất sản xuất: 3.983 triệu đồng, do không có đối tượng hỗ trợ.

+ Xây dựng công trình NSH tập trung là 548 triệu đồng, không còn khối lượng để giải ngân, do công trình đã nghiệm thu thanh toán đưa vào sử dụng công trình.

- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

+ Nội dung 2, tiêu dự án 2: Đối với dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, Hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý là 1.208 triệu đồng, do không có đối tượng thực hiện hỗ trợ, vì theo Thông tư số 12/2023/TT-BTY, ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Theo mục 1, điều 7, của Thông tư 12/2023/TT-BYT thì tổng diện tích các khu vực triển khai dự án vùng trồng dược liệu quý tối thiểu là 210 ha, không nhất thiết liền thửa bao gồm: các vùng nuôi trồng dược liệu, khu vực nhà xưởng, cơ sở bảo quản, cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước trong phạm vi, quy mô dự án. Ưu tiên hỗ trợ dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý có ứng dụng công nghệ cao. Trên địa bàn các xã thực hiện không đảm bảo diện tích vùng trồng dược liệu quý tối thiểu là 210ha.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc là 3.941 triệu đồng, lý do nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành, bàn giao đưa công trình vào sử dụng hết nhiệm vụ chi.

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: là 287 triệu đồng; lý do nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành, bàn giao đưa công trình vào sử dụng hết nhiệm vụ chi.

* Đối với vốn sự nghiệp:

- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 315 triệu đồng, do Thông tư số 55/2023/TT-BTC chưa cụ thể, mức hỗ trợ trường hợp tự túc phương tiện, tự di chuyển bằng đường bộ: Mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm thực hiện hoạt động; Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hóa, trang thiết bị, vật tư trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên. Do vậy không thể tính toán được số lượng cụ thể mà chỉ tính theo định lượng.

- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

+ Tiêu dự án 1, dự án 3: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân là 64.671 triệu đồng. Lý do: Không có đối tượng hỗ trợ, đã trùng với diện tích chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND tỉnh Lai Châu.

+ Nội dung 2, tiêu dự án 2, dự án 3: Hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý là 6.143 triệu đồng, do không có đối tượng thực hiện hỗ trợ, vì Theo Thông tư số 12/2023/TT-BTY, ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. Theo mục 1, điều 7 của Thông tư số 12/2023/TT-BYT thì tổng diện tích các khu vực triển khai dự án vùng trồng dược liệu quý tối thiểu là 210 ha, không nhất thiết liền thửa bao gồm: Các vùng nuôi trồng dược liệu, khu vực nhà xưởng, cơ sở bảo quản, cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước trong phạm vi, quy mô dự án. Ưu tiên hỗ trợ dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý có ứng dụng công nghệ cao. Trên địa bàn các xã thực hiện không đảm bảo diện tích vùng trồng dược liệu quý tối thiểu là 210ha.

+ Nội dung 3, tiêu dự án 2, dự án 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là: 1.000 triệu đồng, lý do một số nội dung còn chưa có hướng dẫn chi, chi tiết.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: là 3.711 triệu đồng

+ Tiêu dự án 1 (Nội dung: Thực hiện xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số): Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (năm 2024 tham mưu mở 05 lớp với 143 học viên tại 03 xã). Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 3.721.126.860 đồng trong đó: Kinh phí chuyển nguồn năm 2023 sang 916.626.860 đồng. Kinh phí được giao trong năm 2.804.500.000 đồng. Kinh phí dự kiến giải ngân năm 2024: 3.421.126.860 đồng. Kinh phí còn lại dự kiến không giải ngân được trong năm 2024: 300.000.000 triệu đồng (Do 03 lớp XMC thuộc kỳ 4, kỳ 5 tại xã Lản Nhì Thàng thực hiện kéo dài sang năm 2025 dự kiến kết thúc tháng 11/2025).

+ Nội dung số 2, Tiêu dự án 2 là 2.435 triệu đồng: Năm 2024, UBND huyện đăng ký nhu cầu mở 05 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc do Học viện Dân tộc mở. Do vậy, Phòng Nội vụ dự kiến tham mưu cho UBND huyện bồi dưỡng đối với các đối tượng còn lại vào năm 2025.

+ Tiêu dự án 3 Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi là 976,6 triệu đồng.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em là 4.728 triệu đồng.

+ Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em: Năm 2022, Nội dung hoạt động thuộc Dự án 8 do Hội LHPN tỉnh Lai Châu triển khai (theo hướng dẫn số 04/HD-ĐCT, ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam) chưa thống nhất theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC, ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ trẻ em: Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS: Không có nội dung, đối tượng triển khai thực hiện

+ Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Do không có đối tượng để thực hiện hỗ trợ trong năm 2024 và Hết đối tượng chi.

(2) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 4.642 triệu đồng, tron đó: Vốn đầu tư: 3.890 triệu đồng; vốn sự nghiệp 753 triệu đồng.

Nguyên nhân, lý do không thể giải ngân:

* Đối với vốn đầu tư: 3.890 triệu đồng: Do các dự án đã hết nhiệm vụ chi.

* Đối với vốn sự nghiệp: 753 triệu đồng: Thực hiện tiểu dự án 1 và tiểu dự án 2 dự án hết nhiệm vụ chi.

(3) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 1.816 triệu đồng, tron đó: Vốn đầu tư: 1.798 triệu đồng; vốn sự nghiệp 18 triệu đồng.

Nguyên nhân, lý do không thể giải ngân:

* Đối với vốn đầu tư: 1.798 triệu đồng: Do một số dự án không bố trí được mặt bằng triển khai thi công, một số dự án hết nhiệm vụ chi.

* Đối với vốn sự nghiệp: 18 triệu đồng: Kinh phí sự nghiệp Chuỗi liên kết hết đối tượng chi (7,7 triệu), kinh phí BCD cấp xã (10,6 triệu) các xã không thực hiện chi.

3. Vốn đối ứng và huy động nguồn lực thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia

a) Vốn đối ứng (ngân sách địa phương)

- **Vốn đầu tư:** Kế hoạch vốn đối ứng giai đoạn 2021-2025 cho các dự án là 6.000 triệu đồng bố trí cho chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (nguồn vốn cân đối ngân sách huyện), trong đó đã bố trí đến năm 2024 là 3.100 triệu đồng; giải ngân đến 31/7/2024 là 1.000 triệu đồng.

(Số liệu đối ứng vốn đầu tư theo mẫu Phụ lục V kèm theo)

- **Vốn sự nghiệp:** Kế hoạch vốn đối ứng giai đoạn 2021-2025 cho các dự án là 11.577 triệu đồng (*trong đó: ngân sách tỉnh 2.269 triệu đồng; ngân sách huyện 9.308 triệu đồng*); đã giao: 9.840 triệu đồng; giải ngân đến 31/7/2024 là 7.163

triệu đồng.

(Số liệu đối ứng vốn sự nghiệp theo mẫu Phụ lục VI kèm theo)

b) Vốn tín dụng: Không.

c) Huy động khác: Trong năm 2021 - 2024 đã vận động được 1.222 hộ hiến 210.602,57 m² đất các loại; đóng góp 8.855 ngày công lao tương ứng với số tiền 2.094,8 triệu đồng; đóng góp bằng tiền mặt 2.073,5 triệu đồng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, NỘI DUNG THÀNH PHẦN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Trên cơ sở Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch số 197-KH/HU, ngày 30/12/2022 của huyện Ủy Phong Thổ. UBND huyện đã sát vào các mục tiêu, nhiệm vụ tổ chức triển khai, kết quả đến hết 30/6/2024 đạt được như sau:

1.1. Chỉ tiêu về kinh tế - xã hội

Kết quả thực hiện các mục tiêu:

- Mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số 40 triệu đồng/người/năm; Kế hoạch năm 2024 đạt 42 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 25%; Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 04 xã. Bình quân tiêu chí trên xã đến hết năm 2023 đạt 11,63 tiêu chí/ xã, ước đến hết năm 2024 đạt 13,56 tiêu chí/ xã.

- Số xã đạt dưới 15 tiêu chí đến hết năm 2023 là 12 xã, ước đến hết năm 2024 đạt 11 xã.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân đến hết năm 2023 là 5,9%/năm, ước đến hết năm 2024 đạt 5,4%/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo năm 2023 giảm 5,88%/năm, đạt 111% kế hoạch. Giảm số hộ nghèo so với đầu kỳ đến hết năm 2023 là 955 hộ, ước đến hết năm 2024 đạt 895 hộ.

- Tỷ lệ xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn đạt 37,5%.

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 100%, đạt 102% so với mục tiêu Nghị quyết. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 100%. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường ước đến năm 2025 đạt 60%. Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 96%, đạt 100% so với mục tiêu.

- Tỷ lệ phụ nữ DTTS có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế đạt 42,58%, ước đến hết năm 2024 đạt 62,01%.

- Tỷ lệ trẻ em DTTS dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể cân nặng/tuổi) đạt 17,46%, ước đến hết năm 2024 đạt 15%. Tỷ lệ trẻ em DTTS dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể thấp còi) đạt 23,49%, ước đến hết năm 2024 đạt 21%.

- Tỷ lệ lao động người DTTS trong độ tuổi được đào tạo nghề đạt 51,3%, ước đến hết năm 2025 đạt >50,86%.

- Tỷ lệ bản có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 85,9% vượt mục tiêu NQ10-NQ/TU đề ra.

- Tỷ lệ bản có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng đạt 85%, ước đến hết năm 2024 đạt 85,9%.

1.2. Giải quyết mức độ thâm hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân trên 5%/năm. Đến năm 2025 giảm ½ số hộ nghèo so với đầu kỳ; phấn đấu huyện thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 30%.

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế. Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ sức khỏe đi học đúng độ tuổi đạt 100%; tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động qua đào tạo đạt 53,5%.

- 70% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; trên 90% hộ nghèo, cận nghèo được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh; 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 96% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

1.3. Về cơ sở hạ tầng:

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 100%.

- Tỷ lệ thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt 93%; ước đến hết năm 2024 đạt 95,3%.

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác đạt 95,8%; ước đến hết năm 2024 đạt 99,8%.

- Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố đạt 87%. Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố đạt 97%, ước đến hết năm 2024 đạt 99%.

- Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh đạt 95%.

(Các mục tiêu theo mẫu Phụ lục II kèm theo)

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình

2.1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình:

* Kết quả thực hiện các mục tiêu:

- Mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số 40 triệu đồng/người/năm;

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 100%; Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt 95,2%;

- Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố đạt 99%; Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố đạt 87%;

- Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt 99,8%;

- Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%; Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh đạt 95%;

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học đạt 100%, học trung học cơ sở đạt 97,5%; tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 96%;

- Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,9%, tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế đạt 62%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (Tỷ lệ trẻ em DTTS dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể cân nặng/tuổi) 15,75%; Tỷ lệ trẻ em DTTS dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể thấp còi) 22,5%);

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu đạt 51,3%; Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng 86,5%; thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống 85,9%; 204 cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kiến thức dân tộc, công tác dân tộc.

* Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu: 100% Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa đường nông thôn, 1.564 hộ được giải quyết nước sinh hoạt, 03 số công trình nước sinh hoạt tập trung; 10 trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, trường trung học phổ thông dân tộc nội trú được tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học; 108 Số hộ được giải quyết nhà ở; 189 hộ được hỗ trợ sắp xếp ổn định dân di cư tự do, bố trí định canh, định cư, bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn và khu vực cần thiết khác; 07 thiết chế văn hoá, thể thao thôn được đầu tư; 01 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xây dựng.

(Các mục tiêu, nhiệm vụ theo mẫu Phụ lục III kèm theo)

b) Kết quả thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc từng Dự án, Tiểu dự án thành phần của Chương trình.

b.1, Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:

* Năm 2022:

- Kế hoạch giao: 6.635 triệu đồng (trong đó: 5.782 triệu đồng vốn đầu tư, 853 triệu đồng vốn sự nghiệp); giải ngân 4.763 triệu đồng (trong đó: 3.912 triệu đồng vốn đầu tư phát triển, 851 triệu đồng vốn sự nghiệp). Chuyển nguồn sang năm 2023 là 1.872 triệu đồng.

- Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt: 6.635 triệu đồng

+ Hỗ trợ Nước sinh hoạt phân tán: 853 triệu đồng vốn sự nghiệp, hỗ trợ 284 hộ, giải ngân được 851 triệu đồng.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: 5.782 triệu đồng vốn đầu tư, thực hiện 03 dự án, giải ngân được 3.912 triệu đồng.

** Năm 2023:*

- Kế hoạch giao: 10.932 triệu đồng; dự toán ngân sách giao năm 2023: 9.051 triệu đồng, trong đó 6.534 triệu đồng vốn đầu tư và 2.505 triệu đồng vốn sự nghiệp, 12 triệu đồng vốn chưa phân bổ chi tiết; vốn chuyển nguồn từ năm 2022 sang 2023: 1.872 triệu đồng, trong đó 1.872 triệu đồng vốn đầu tư; 2 triệu đồng vốn sự nghiệp.

- Kết quả thực hiện:

+ Vốn đầu tư: Giải ngân 7.644,4 triệu đồng đạt 90,96% so với kế hoạch giao; thực hiện 03 dự án sửa chữa nước sinh hoạt tại 03 xã và hỗ trợ nhà ở cho 88 hộ.

+ Vốn sự nghiệp: Giải ngân 2.499 triệu đồng đạt 99,7% so với kế hoạch giao. Thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 150 hộ và hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 333 hộ.

** 6 tháng Năm 2024:*

- Tổng vốn giao: 6.622 triệu đồng (Kinh phí sự nghiệp 3.105 triệu đồng; kinh phí đầu tư 3.517 triệu đồng). Giải ngân 80 triệu đồng (vốn đầu tư) đạt 1,2%. Cụ thể:

- Vốn chuyển nguồn từ năm, 2023 sang năm 2024 là: 680 triệu đồng (vốn đầu tư). Kết quả thực hiện: Giải ngân 80 triệu đồng đạt 11,8%

- Vốn giao năm 2024: 5.942 triệu đồng (vốn đầu tư: 2.837 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 3.105 triệu đồng). Trong đó đã phân bổ 4.625 triệu đồng; chưa phân bổ 1.317 triệu đồng; Kết quả thực hiện: Đang triển khai thực hiện chưa giải ngân nguồn vốn.

* Ước thực hiện đến hết năm 2024: Ước số kinh phí ước không giải ngân được là 1.330 triệu đồng (trong đó: 10 triệu đồng hỗ trợ chuyển đổi nghề; 3 triệu đồng hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán; 1.317 triệu đồng hỗ trợ đất sản xuất).

* Ước thực hiện đến năm 2025: dự kiến kinh phí giao 6.486 triệu đồng. ước nguồn kinh phí không giải ngân được là: 4.894 triệu đồng (trong đó hỗ trợ đất sản xuất là 2.666 triệu đồng; hỗ trợ đất ở 1.680 triệu đồng, do không có đối tượng hỗ trợ và không bố trí được quỹ đất).

b.2, Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

** Năm 2022:*

- Kế hoạch giao 7.624 triệu đồng vốn đầu tư phát triển. Kết quả giải ngân được 5.324 triệu đồng. Chuyển nguồn sang năm 2023 là 2.300,5 triệu đồng

** Năm 2023:*

- Kế hoạch giao: 12.738,5 triệu đồng; dự toán ngân sách giao năm 2023: 10.438 triệu đồng vốn đầu tư; vốn chuyển nguồn từ năm 2022 sang năm 2023: 2.300,5 triệu đồng vốn đầu tư

- Kết quả thực hiện: Giải ngân 12.738,5 triệu đồng đạt 100% kế hoạch; thực hiện bố trí sắp xếp ổn định dân cư tập trung vùng thiên tai bản căn câu xã Sin Suối Hồ cho 100 hộ và sắp xếp ổn định dân cư bản Khu Bình An xã Bản Lang cho 89 hộ.

** 6 tháng đầu năm 2024:*

Vốn giao năm 2024: 11.853 triệu đồng. (trong đó vốn đầu tư: 11.749 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 104 triệu đồng) thực hiện các dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư tập trung vùng thiên tai bản Căn Câu xã Sin Suối Hồ và sắp xếp ổn định dân cư bản Khu Bình An xã Bản Lang. Kinh phí giải ngân: 2.000 triệu đồng (vốn đầu tư), đạt 16,9% kế hoạch vốn.

* Ước thực hiện đến hết năm 2024: ước giải ngân 100% nguồn vốn đầu tư; số kinh phí ước không giải ngân được là 104 triệu đồng vốn sự nghiệp.

* Ước thực hiện đến hết năm 2025: Dự kiến nguồn kinh phí giao 13.658 triệu đồng (vốn sự nghiệp: 211 triệu đồng; vốn đầu tư 13.447 triệu đồng). Ước giải ngân 100% nguồn vốn đầu tư; nguồn vốn sự nghiệp không thực hiện giải ngân được.

b.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

** Năm 2022:*

Kế hoạch giao 17.944 triệu đồng (trong đó: 1.208 triệu đồng vốn đầu tư phát triển, 16.736 triệu đồng vốn sự nghiệp); chưa thực hiện, chuyển nguồn sang năm 2023 để thực hiện.

** Năm 2023:*

Kế hoạch giao: 32.881 triệu đồng; dự toán ngân sách giao năm 2023: 14.937 triệu đồng, trong đó 1.619 triệu đồng vốn đầu tư và 13.318 triệu đồng vốn sự nghiệp; Vốn chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 17.944 triệu đồng trong đó 16.736 triệu đồng vốn sự nghiệp và 1.208 triệu đồng vốn đầu tư.

Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Kế hoạch giao: 14.331 triệu đồng vốn sự nghiệp.

- Kết quả thực hiện: Không giải ngân được. Lý do: Đối với nội dung trồng rừng:

+ Diện tích rừng trồng trên địa bàn huyện chủ yếu thực hiện ở các xã vùng I, không nằm trên địa bàn của các xã vùng II, III; các xã khu vực II, III vùng dự án không có quỹ đất quy hoạch cho lâm nghiệp để mở rộng phát triển trồng rừng; các hộ trồng rừng phần lớn không phải là hộ nghèo, đất trồng rừng của các hộ gia đình đa phần là chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có giấy chứng nhận cho thuê đất của cấp có thẩm quyền; diện tích được phê duyệt trồng rừng sản xuất

năm 2023 chủ yếu là đất nương, rẫy nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp, nên không nằm trong đối tượng được hỗ trợ, không thực hiện được.

Đối với nội dung khoản bảo vệ rừng và hỗ trợ gạo:

+ Việc trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng quy định tại điểm 2 Điều 3 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 thực hiện hoạt động về lâm nghiệp theo đúng phạm vi của Chương trình và tiểu Dự án 1, đảm bảo không trùng lặp với hoạt động, kinh phí đã được bố trí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác.

+ Toàn bộ diện tích rừng trên địa bàn huyện hiện nay đang được khoán bảo vệ rừng theo chính sách chi trả DVMTR với đơn giá bình quân khoảng 1,2 triệu đồng/ha/năm (gấp trên 3 lần so với quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP là 400.000 đồng/ha/năm).

+ Theo quy định tại Khoản 5, Điều 17, Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp, quy định “trong cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách khác nhau quy định thì tổ chức, cá nhân, cộng đồng chỉ được nhận hỗ trợ từ một chính sách mà có lợi nhất, cao nhất cho đối tượng nhận hỗ trợ”. Như vậy, để đảm bảo thực hiện hỗ trợ bảo vệ rừng theo đúng quy định (trên cùng một diện tích rừng không nhận hỗ trợ quá 2 lần tiền công bảo vệ rừng) và hiện nay diện tích rừng trên địa bàn huyện hàng năm đang được chi trả tiền khoán bảo vệ từ nguồn DVMTR có lợi nhất (lớn nhất), nên không thể thực hiện giải ngân vốn được giao thực hiện theo Nghị quyết 88/2019/QH2014.

Tiểu dự án 2: *Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.*

- Kế hoạch giao 18.550 triệu đồng, trong đó 2.827 triệu đồng vốn đầu tư và 15.723 triệu đồng vốn sự nghiệp.

- Kết quả thực hiện:

+ Vốn đầu tư 1.619 triệu đồng, đạt 57,26% kế hoạch vốn; thực hiện đầu tư đường vùng dược liệu xã Sì Lở Lầu.

+ Vốn sự nghiệp 9.376,8 triệu đồng, đạt 59,63%. Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (hỗ trợ liên kết trồng cây rong diêng, cây khoai sọ, cây lê trên địa bàn các xã).

* 6 tháng đầu năm 2024:

Tổng vốn giao: 58.739,1 triệu đồng (Kinh phí sự nghiệp 55.951,1 triệu đồng; kinh phí đầu tư 2.778 triệu đồng). Trong đó kinh phí đã phân bổ là 33.518 triệu đồng; vốn sự nghiệp 30.730,1 triệu đồng; vốn đầu tư 2.778 triệu đồng). Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế cộng đồng + Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thực hiện đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN và đầu tư đường vùng dược liệu xã Sì Lở Lầu. Cụ thể:

- Vốn giao năm 2024: 37.214,0 triệu đồng; trong đó kinh phí đã phân bổ 11.993 triệu đồng (vốn đầu tư: 1.760 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 10.233 triệu đồng); kinh phí chưa phân bổ là 25.221 triệu đồng. Kết quả thực hiện: chưa giải ngân.

- Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 21.525,1 triệu đồng. Kết quả thực hiện: chưa giải ngân.

* Ước thực hiện hết năm 2024: ước vốn sự nghiệp không giải ngân được 42.487 triệu đồng; 1.208 triệu đồng vốn đầu tư.

* Ước thực hiện hết năm 2025: dự kiến kinh phí 40.776 triệu đồng (trong đó: vốn sự nghiệp 39.739 triệu đồng; vốn đầu tư: 1027 triệu đồng). Dự kiến nguồn vốn vốn sự nghiệp không giải ngân được 28.119 triệu đồng.

b.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

* Năm 2022:

- Kế hoạch giao 36.185 triệu đồng (trong đó: 34.669 triệu đồng vốn đầu tư phát triển, 1.516 triệu đồng vốn sự nghiệp); kết quả giải ngân 33.551,3 triệu đồng (trong đó: 32.074,3 triệu đồng vốn đầu tư phát triển, 1.477 triệu đồng vốn sự nghiệp). Chuyển nguồn sang năm 2023 là 2.594,7 triệu đồng; vốn sự nghiệp 38,62 triệu đồng.

* Năm 2023:

- Kế hoạch giao: 53.188,3 triệu đồng; trong đó, kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2023: 50.555 triệu đồng trong đó 46.474 triệu đồng vốn đầu tư và 4.081 triệu đồng vốn sự nghiệp; vốn chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 2.633,3 triệu đồng; trong đó vốn đầu tư 2.594,7 triệu đồng; vốn sự nghiệp 38,62 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện:

+ Vốn đầu tư: Giải ngân 48.320,7 triệu đồng, đạt 98,47% kế hoạch; thực hiện 17 công trình tại 12 xã trong huyện.

+ Vốn sự nghiệp: Giải ngân 2.604,9 triệu đồng đạt 63,83% kế hoạch; thực hiện tại 04 xã: Mồ Si San, Pa Vây Sừ, Bản Lang và Nậm Xe.

* 6 tháng đầu năm 2024:

Tổng vốn giao: 53.768,3 triệu đồng (Kinh phí sự nghiệp 6.204,2 triệu đồng; kinh phí đầu tư 47.564,1 triệu đồng). Giải ngân 28.250,3 triệu đồng (vốn đầu tư 27.594 triệu đồng; vốn sự nghiệp 656,3 triệu đồng) đạt 52,5%. Cụ thể:

- Vốn giao năm 2024: 51.641 triệu đồng (trong đó vốn đầu tư: 46.855 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 4.786 triệu đồng). Kết quả thực hiện: Giải ngân 27.594 triệu đồng (vốn đầu tư) đạt 53,4%.

- Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 2.127,3 triệu đồng (vốn đầu tư: 709,1 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.418,2 triệu đồng). Giải ngân 656,3 triệu đồng (vốn sự nghiệp) đạt 30,9%.

* Ước thực hiện cả năm 2024: số vốn còn lại không giải ngân được là 39 triệu đồng vốn sự nghiệp.

* Ước thực hiện năm 2025: dự kiến vốn giao 69.481 triệu đồng (vốn sự nghiệp 4.786 triệu đồng, vốn đầu tư 64.695 triệu đồng). Ước giải ngân 100% nguồn vốn.

b.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

** Năm 2022:*

Kế hoạch giao 6.197 triệu đồng (vốn đầu tư 2.578 triệu đồng, vốn sự nghiệp 3.619 triệu đồng), đã giải ngân được 5.458,6 triệu đồng; chuyển nguồn sang năm 2023 là: 738,4 triệu đồng; trong đó

+ Vốn đầu tư: 2.578 triệu đồng, giải ngân đến thời điểm báo cáo 2.578 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch.

+ Vốn sự nghiệp: 3.619 triệu đồng (giải ngân 2.880,6 triệu đồng)

** Năm 2023:*

Kế hoạch giao: 16.030,6 triệu đồng; trong đó kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2023: 15.292 triệu đồng, trong đó 3.456 triệu đồng vốn đầu tư, 10.554 triệu đồng vốn sự nghiệp; 1.282 triệu đồng vốn ngân sách địa phương; vốn chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 738,6 triệu đồng vốn sự nghiệp.

** 6 tháng đầu năm 2024:*

Tổng vốn giao: 16.636,8 triệu đồng (vốn sự nghiệp: 11.162,8 triệu đồng; vốn đầu tư 4.487 triệu đồng; nguồn NSDP: 977 triệu đồng). Giải ngân 3.575,4 triệu đồng (vốn đầu tư 3.486,2 triệu đồng; vốn sự nghiệp 89,2 triệu đồng) đạt 21,49%. Cụ thể:

- Vốn giao năm 2024: 12.458 triệu đồng; trong đó vốn sự nghiệp là 7.348 triệu đồng; vốn đầu tư 4.487 triệu đồng; ngân sách địa phương 623 triệu đồng; kinh phí đã phân bổ 10.671 triệu đồng (vốn đầu tư: 4.487 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 5.561 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương: 623 triệu đồng); chưa phân bổ 1.787 triệu đồng, vốn sự nghiệp. Giải ngân: 3.486,2 triệu đồng (vốn đầu tư), đạt 32,7%.

- Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 4.178,8 triệu đồng (vốn sự nghiệp 3.814,8 triệu đồng; nguồn NSDP 364 triệu đồng). Giải ngân 89,2 triệu đồng (vốn sự nghiệp) đạt 2,13%.

Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS:

+ Vốn giao năm 2024: 7.898 triệu đồng (vốn đầu tư: 4.487 triệu đồng thực hiện 04 dự án đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị có HSBT tại xã Vàng Ma Chải, Mù Sang, Bản Lang, Lán Nhì Thàng ; vốn sự nghiệp: 2.779 triệu đồng, vốn sự nghiệp nguồn NSDP 623 triệu đồng). Giải ngân: 3.486,2 triệu đồng (vốn đầu tư) đạt 44,2%.

+ Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 2.232,9 triệu đồng (vốn sự nghiệp: 1.868,9 triệu đồng; 364 triệu đồng vốn sự nghiệp nguồn NSDP). Giải ngân: 79 triệu đồng (vốn sự nghiệp) đạt 0,8%.

Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS và MN là: 2.739,9 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí năm 2024 là 1.787 triệu đồng; hiện nay chưa phân bổ.

+ Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 952,6 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Chưa giải ngân vốn.

Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

+ Vốn giao năm 2024: 2.782 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Chưa giải ngân vốn.

+ Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 993 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Giải ngân: 10,2 triệu đồng, đạt 1,02%.

* **Ước thực hiện năm 2024:** số vốn không giải ngân được là 4.133 triệu đồng vốn sự nghiệp.

* **Ước thực hiện năm 2025:** dự kiến vốn giao 15.098 triệu đồng. Ước giải ngân 100% nguồn vốn.

b.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

*** Năm 2022:**

Kế hoạch giao: 1.303 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư 528 triệu đồng, vốn sự nghiệp 775 triệu đồng. Kết quả giải ngân 517 triệu đồng.

*** Năm 2023:**

- Kế hoạch giao: 1.957 triệu đồng; trong đó kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao từ năm 2023: 1.175 triệu đồng; trong đó 708 triệu đồng vốn đầu tư; 467 triệu đồng vốn sự nghiệp; vốn chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 782 triệu đồng, trong đó vốn sự nghiệp 775 triệu đồng; vốn đầu tư 7 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện:

+ Vốn đầu tư: Giải ngân 460 triệu đồng đạt 64,97% kế hoạch vốn.

+ Vốn sự nghiệp giải ngân 1.242,0 triệu đồng đạt 100% so với kế hoạch.

*** 6 tháng năm 2024:**

Tổng vốn giao: 3.479 triệu đồng (Kinh phí sự nghiệp 2.336 triệu đồng; kinh phí đầu tư 1.143 triệu đồng). Giải ngân 162 triệu đồng (vốn đầu tư), đạt 4,7%. Cụ thể:

+ Vốn giao năm 2024: 3.257 triệu đồng (vốn đầu tư: 921 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 2.336 triệu đồng). Kết quả thực hiện: Giải ngân 162 triệu đồng (vốn đầu tư), đạt 5%.

+ Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 222 triệu đồng vốn đầu tư. Chưa giải ngân vốn.

* **Ước thực hiện cả năm 2024:** kinh phí không có khả năng thực hiện 99 triệu đồng (vốn sự nghiệp 62 triệu đồng; vốn đầu tư 67 triệu đồng).

* **Ước thực hiện năm 2025:** Dự kiến kinh phí giao 3.124 triệu đồng (trong đó vốn sự nghiệp: 2.336 triệu đồng; vốn đầu tư 788 triệu đồng). Ước giải ngân 100% kế hoạch vốn.

b.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ (UBND huyện không thực hiện)

b.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

* **Năm 2022:**

Kế hoạch giao là 1.222 triệu đồng vốn sự nghiệp. Chưa thực hiện giải ngân, chuyển nguồn sang năm 2023.

* **Năm 2023:**

- Kế hoạch giao: 4.513 triệu đồng; trong đó kinh phí giao năm 2023: 3.291 triệu đồng vốn sự nghiệp; vốn chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 1.222 triệu đồng vốn sự nghiệp.

- Kết quả thực hiện:

Giao cho Hội Liên hiệp phụ nữ huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn triển khai tổ chức thực hiện Dự án. Giải ngân 783,4 triệu đồng, đạt 17,35% kế hoạch vốn.

* **6 tháng đầu năm:**

Tổng vốn giao: 6.469,8 triệu đồng; trong đó đã phân bổ 3.010,8 triệu đồng (vốn sự nghiệp); chưa phân bổ 3.459 triệu đồng. Giải ngân 99,1 triệu đồng, đạt 1,5%.

+Vốn giao năm 2024: 3.859 triệu đồng; đã phân bổ 400 triệu đồng (vốn sự nghiệp), còn 3.459 triệu đồng chưa phân bổ. Hiện đang triển khai thực hiện, chưa giải ngân vốn.

+ Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 2.610,8 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Giải ngân 99,1 triệu đồng đạt 3,8%.

* **Ước thực hiện năm 2024:** Số kinh phí không có khả năng thực hiện 5.732 triệu đồng vốn sự nghiệp.

* **Ước thực hiện năm 2025:** Dự kiến kinh phí giao 3.859 triệu đồng. Ước giải ngân 100% nguồn vốn.

b.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

* **Năm 2022:** Kế hoạch giao 9.441 triệu đồng vốn sự nghiệp. Kết quả giải ngân 220 triệu đồng đạt 2,3%; chuyển nguồn sang năm 2023 là: 9.220,6 triệu đồng

* **Năm 2023:**

Kế hoạch giao 9.964,6 triệu đồng; trong đó kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2023: 744 triệu đồng vốn sự nghiệp; vốn chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 9.220,6 triệu đồng.

Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù:

Kinh phí giao 9.160 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Không giải ngân; lý do: Huyện Phong Thổ không có dân tộc có khó khăn đặc thù theo Quyết định 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

* **Năm 2022:**

Kinh phí thực hiện giao năm 2022: 281 triệu đồng vốn sự nghiệp.

Kết quả thực hiện: Đã tổ chức tập huấn 24 lớp với 1.309 người tham gia, kết quả giải ngân 220 triệu đồng.

* **Năm 2023:**

Kế hoạch giao: 804,6 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Giải ngân 370 triệu đồng, đạt 45,98% kế hoạch vốn; Thực hiện công tác tư vấn, can thiệp lồng ghép duy trì và triển khai mô hình tại các xã, trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao.

* **6 tháng năm 2024:**

Tổng vốn giao: 1.166,59 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Chưa giải ngân vốn.
Cụ thể:

+Vốn giao năm 2024 : 732 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Chưa giải ngân

+ Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 434,6 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Chưa giải ngân vốn.

Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+Vốn giao năm 2024 : 732 triệu đồng vốn sự nghiệp. Chưa giải ngân.

+ Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 434,6 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Chưa giải ngân vốn.

* **Ước thực hiện năm 2024:** Số kinh phí không có khả năng thực hiện 367 triệu đồng vốn sự nghiệp.

* **Ước thực hiện năm 2025:** dự kiến kinh phí giao 1.004 triệu đồng vốn sự nghiệp. ước giải ngân 100%

b.10, Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

* **Năm 2022:**

Kế hoạch giao: 260 triệu đồng vốn sự nghiệp, kết quả giải ngân: 113 triệu đồng, đạt 43,4%. Chuyển nguồn sang năm 2023 là: 147 triệu đồng.

* **Năm 2023:**

Kế hoạch giao 1.129 triệu đồng; trong đó kế hoạch vốn, dự toán ngân sách giao năm 2023: 982 triệu đồng vốn sự nghiệp; vốn chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 147 triệu đồng.

* **6 tháng năm 2024:**

Tổng kinh phí: 1.402,9 triệu đồng. Kinh phí đã phân bổ là 1.394,4 triệu đồng. Kinh phí chưa phân bổ là 8,5 triệu đồng. Giải ngân 371,1 triệu đồng, đạt 26,6%.

Cụ thể:

+ Vốn năm 2024: 780 triệu đồng. Đã phân bổ 771,5 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Kinh phí chưa phân bổ 8,5 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã giải ngân 300 triệu đồng (vốn sự nghiệp), đạt 38,9%.

+ Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 622,9 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã giải ngân 71,1 triệu đồng (vốn sự nghiệp), đạt 11,4%.

* **Ước thực hiện năm 2024:** Giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn.

* **Ước thực hiện năm 2025:** dự kiến nguồn vốn giao 1.361 triệu đồng. ước giải ngân 100% kế hoạch vốn

Cụ thể từng tiểu dự án:

Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG:

* **Năm 2022:**

kinh phí giao năm 2022: 176 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Giải ngân 93 triệu đồng. UBND huyện đã tổ chức 02 đoàn công tác người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số huyện đi tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm tại huyện Than Uyên và huyện Sìn Hồ với 55 người tham gia; mở 01 Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho 47 người là người uy tín, lực lượng cốt cán tham gia.

* **Năm 2023**

Tổng kinh phí giao năm 2023: 776,2 triệu đồng (kinh phí giao năm 2023: 693 triệu đồng, kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 83,2 triệu đồng).

Kết quả thực hiện: Giải ngân 407,1 triệu đồng; Thực hiện đưa 04 đoàn người có uy tín đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm tại huyện Tam Đường, Mường Tè và Nậm Nhùn; mở 4 lớp cho 240 đối tượng, tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trên địa bàn huyện; mở 01 Hội nghị biểu dương, tôn vinh người có uy tín tiêu biểu trong vùng ĐB DTTS giai đoạn 2021-2023 và in tờ rơi "Một số nội dung cơ bản của Luật Trợ giúp pháp lý": 29.200 tờ cấp phát cho Nhân dân; Tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023.

* 6 tháng năm 2024:

+ Vốn năm 2024: 528 triệu đồng. Kinh phí đã phân bổ: 519,5 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Kinh phí chưa phân bổ là 8,5 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã giải ngân 300 triệu đồng (vốn sự nghiệp), đạt 57,7%. Nội dung thực hiện tổ chức 02 hội nghị cung cấp thông tin đối tượng: Già làng, trưởng bản, cán bộ cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện; Tổ chức 1 chuyến hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh.

+ Vốn chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 332,79 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã giải ngân 71,1 triệu đồng (vốn sự nghiệp), đạt 21,4%. nội dung thực hiện tổ chức 02 hội nghị cung cấp thông tin cho đối tượng Là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Phong Thổ đã được Ủy ban Nhân dân huyện phê duyệt tại quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 29/2/2024 của UBND huyện Phong Thổ.

Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN: UBND huyện không thực hiện.

Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình.

* Năm 2022:

Tổng số kinh phí giao năm 2022: 84 triệu đồng.

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình theo giai đoạn 2021- 2025 và Kế hoạch kiểm tra năm 2022, hiện tại huyện đã tổ chức thực hiện 01 đợt kiểm tra chương trình, kết quả giải ngân 20 triệu đồng.

* Năm 2023:

Tổng kinh phí giao năm 2023: 352,8 triệu đồng. (Kế hoạch giao năm 2023: 289 triệu đồng; kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 63,8 triệu đồng).

Kết quả thực hiện: Giải ngân 62,7 triệu đồng; đạt 17,78% kế hoạch vốn; thực hiện kiểm tra, giám sát, tập huấn tại các xã trên địa bàn huyện.

* 6 tháng đầu năm 2024:

+ Vốn giao năm 2024: 252 triệu đồng vốn sự nghiệp. Chưa giải ngân.

+ Vốn chuyên nguồn từ năm 2023 sang năm 2024 là: 290,1 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Chưa giải ngân vốn.

2.2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

a) Kết quả thực hiện mục tiêu về giảm nghèo, bao gồm:

- Kết quả thực hiện mục tiêu cụ thể:

(i) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm trung bình trên 5%/năm đạt 100% kế hoạch đề ra; Trong đó: Năm 2022 đạt 4,62%; Năm 2023 đạt 5,88%; Năm 2024 ước đạt 5,43%; Năm 2025 dự kiến 5,48% ước đạt 100% Kế hoạch.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình:

(i) Số hộ nghèo, hộ cận nghèo (so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia): 3.480/11.282 hộ. (Nghị quyết đến năm 2025 giảm ½ số hộ nghèo so với đầu kỳ, chỉ tiêu này khó đạt do số hộ thoát nghèo chưa thực sự bền vững, thoát nghèo lại rơi vào hộ cận nghèo ước thực hiện đến năm 2024 mới đạt được 30,84%)

(ii) Hỗ trợ xây dựng trên 9 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn đạt 100% kế hoạch đề ra (trong hai năm đã thực hiện được 5 mô hình giảm nghèo tại Dự án 2 và Dự án 3 gồm 04 dự án do huyện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng theo chuỗi giá trị).

- Thực hiện hỗ trợ mô hình đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ máy nông nghiệp trên địa bàn 17 xã, thị trấn.

(iv) Tỷ lệ cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo: Đến thời điểm báo cáo có: 2.073 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo đạt 100% kế hoạch đề ra.

+ Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

+ Tối thiểu 1.000 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Chiếu thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế;

- Chiếu thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 95% trở lên.

- Chiếu thiếu hụt về nhà ở: Hỗ trợ 1.482 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện có nhu cầu được hỗ trợ sửa chữa, xây mới nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Chiếu thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: Duy trì trên 98% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiếu thiếu hụt về thông tin: Trên 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 90% các gia đình sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

(Các mục tiêu, nhiệm vụ theo mẫu Phụ lục III kèm theo)

b) Kết quả thực hiện.

b) Kết quả thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc từng Dự án, Tiểu dự án thành phần của Chương trình.

Vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2024: 296.578 triệu đồng (trong đó, vốn đầu tư 273.187 triệu đồng, vốn sự nghiệp 23.391 triệu đồng).

Năm 2022:

- Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Kế hoạch vốn giao 73.655 triệu đồng (*trong đó: vốn đầu tư 71.570 triệu đồng, nguồn vốn sự nghiệp là 2.085 triệu đồng*).

+ Vốn đầu tư: 71.570 triệu đồng, thực hiện đầu tư 20 dự án (*trong đó: có 07 công trình nước sinh hoạt và thủy lợi; 06 công trình đường giao thông; 03 công trình phục vụ văn hóa; 04 công trình trường học*). Giải ngân 66.313/71.570 triệu đồng đạt 92,65% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn sự nghiệp: 2.085 triệu đồng thực hiện duy tu 02 dự án, giải ngân 2.085/2.085 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao (*Cụ thể: Sửa chữa trường THCS xã Mường So 1.000 triệu đồng, Đường GTNT trung tâm xã-bản Chang Hồng 1,2 xã Huổi Luông 1.085 triệu đồng*)

Năm 2023: Vốn giao: 133.077 triệu đồng (*trong đó: vốn đầu tư 121.457 triệu đồng (gồm 5.257 triệu đồng chuyển nguồn năm 2022 sang 2023); vốn sự nghiệp 11.620 triệu đồng*), cụ thể:

+ **Vốn đầu tư:** Tiêu dự án 1,2 là 121.457 triệu đồng (*gồm 5,257 triệu đồng chuyển nguồn năm 2022 sang 2023; giao năm 2023 116.200 triệu đồng*) thực hiện đầu tư 20 dự án chuyển tiếp, 03 dự án khởi công mới (*trong đó: có 08 công trình nước sinh hoạt và thủy lợi; 06 công trình đường giao thông; 03 công trình phục vụ văn hóa; 06 công trình trường học*). Giá trị khối lượng thực hiện, giải ngân 121.348/121.457 triệu đồng, đạt 99,91% kế hoạch vốn giao.

+ **Vốn sự nghiệp:** 11.620 triệu đồng.

Tiêu dự án 1: Thực hiện duy tu, bảo dưỡng công trình tại 5 xã Sĩ Lữ Lâu, Tung Qua Lìn, Huồi Luông, Ma Li Pho, Lản Nhi Thàng, kinh phí 4.550 triệu đồng, giải ngân 3.518/4.550 triệu đồng, đạt 77,32%.

Tiêu dự án 2: Duy tu bảo dưỡng 02 dự án giao thông liên xã 7.070 triệu đồng, giải ngân là 7.070/7.070 triệu đồng, đạt 100%.

Năm 2024: Vốn giao 96.135 triệu đồng (*vốn đầu tư 85.417 triệu đồng, nguồn vốn sự nghiệp là 10.718 triệu đồng (gồm 1.032 triệu chuyển năm 2023 sang 2024)*), cụ thể:

- **Vốn đầu tư:** Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn kế hoạch vốn giao năm 2024: 85.417 triệu đồng (*thực hiện 17 dự án chuyển tiếp*). Ước giải ngân đến 31/12/2024 là 100% kế hoạch

- **Vốn sự nghiệp:** Duy tu bảo dưỡng là 10.718 triệu đồng (*thực hiện Duy tu, bảo dưỡng 19 công trình bị hư hỏng, xuống cấp sau đầu tư trên địa bàn huyện (trong đó 04 công trình nhà văn hóa; 17 đường GTNT)*). Ước giải ngân đến 31/12/2024 là 100% kế hoạch.

Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Tổng kinh phí giao: 29.535 triệu đồng. Ước giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100% kế hoạch giao. Cụ thể:

Năm 2022: Vốn giao 6.629 triệu đồng (*trong đó, giao bổ sung thực hiện dự án năm 2021 là 2.455 triệu đồng tại QĐ 413, ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Lai Châu; giao năm 2022 4.174 triệu đồng*). Kết quả thực hiện hết 31/12/2022 giải ngân 1.957/6.629 triệu đồng thực hiện mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp, đạt 29,52%. Kết dư chuyển nguồn sang năm 2023 4.672 triệu đồng.

Năm 2023: Vốn giao thực hiện: 15.187 triệu đồng (*vốn năm 2022 chuyển sang 2023 4.672 triệu đồng; giao 2024 10.515 triệu đồng*) thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo, cụ thể:

- **Trung tâm DVNN:** 6.687 triệu đồng (*vốn năm 2022 chuyển sang 2023 4.672 triệu đồng; giao 2024 2.015 triệu đồng*) thực hiện 05 chuỗi liên kết tại các xã trên địa bàn, kết quả thực hiện giải ngân 5.808/6.687 triệu đồng, đạt 86,85%, triển khai thực hiện 05 dự án chuỗi, tại các xã. Kết dư chuyển nguồn sang 2024 879 triệu đồng.

- Ủy ban nhân dân xã thực hiện hỗ trợ mô hình đa dạng hóa sinh kế 8.500 triệu đồng, thực hiện hỗ trợ máy nông nghiệp trên địa bàn 17 xã, thị trấn. Kết quả

giải ngân 8.500/8.500 triệu đồng, đạt 100%.

Năm 2024: Vốn, kế hoạch vốn giao: 13.270 triệu đồng (*vốn năm 2023 chuyển sang 2024 879 triệu đồng; giao năm 2024 12.391 triệu đồng*), cụ thể:

- Giao Trung tâm DVNN: 4.579 triệu đồng (*vốn năm 2023 chuyển sang 2024 879 triệu đồng, giao 2024 3.700 triệu đồng*). Thời điểm báo cáo đang triển khai thực hiện duy trì các dự án chuỗi liên kết triển khai từ năm 2023. Dự kiến 31/12/2024 giải ngân 100%.

- Giao Ủy ban nhân dân xã, thị trấn: 8.691 triệu đồng. Thực hiện mô hình đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo lĩnh vực nông nghiệp. Thời điểm báo cáo đang triển khai thực hiện. Dự kiến 31/12/2024 giải ngân 100%.

Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Tổng kinh phí giao thực hiện: 14.322 triệu đồng. Ước giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100%. Cụ thể:

Năm 2022:

Tiêu dự án 1: Hỗ trợ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Kế hoạch vốn giao: 1.822 triệu đồng chưa thực hiện, chuyển nguồn sang năm 2023.

Năm 2023: Kinh phí thực hiện: 7.629 triệu đồng (*vốn chuyển năm 2022 sang 2023 1.822 triệu đồng; giao năm 2023 5.807 triệu đồng*), cụ thể:

- Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

Vốn, kế hoạch vốn: 6.501 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn năm 2022 sang 2023 1.822 triệu đồng; giao năm 2023 4.679 triệu đồng*). Lồng ghép với dự án 2 thực hiện 05 chuỗi liên kết tại các xã trên địa bàn. Kết quả thực hiện giải ngân 5.995/6.501 triệu đồng, đạt 92,22%. Kết dư chuyển nguồn sang năm 2024 506 triệu đồng.

- Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Vốn, kế hoạch vốn: 1.128 triệu đồng. Thực hiện chương trình cải thiện dinh dưỡng, mua một số trang thiết bị phục vụ công tác, giải ngân 339/1.128 triệu đồng (*thực hiện đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ từ 0 - dưới 16 tuổi và tập huấn cho nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng*), đạt 30,05% kế hoạch vốn giao. Kết dư chuyển nguồn sang năm 2024 789 triệu đồng.

Năm 2024: Kinh phí thực hiện: 7.988 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 1.295 triệu đồng; giao năm 2024 6.693 triệu đồng*) ước giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100% vốn giao. Cụ thể:

- Tiêu dự án 1: Tổng kinh phí: 5.674 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 506 triệu đồng; giao năm 2024 5.168 triệu đồng*)

+ Ủy ban nhân dân xã, thị trấn 5.168 triệu đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực nông nghiệp. Thời điểm báo cáo đang triển khai thực hiện. Dự kiến 31/12/2024 giải ngân 100%.

+ Trung tâm DVNN 506 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn năm 2023 sang 2024 506 triệu đồng*). Thời điểm báo cáo trung tâm DVNN thực hiện duy trì năm

thứ 2 dự án liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm. Dự kiến 31/12/2024 giải ngân 100%.

- Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.

Vốn, kế hoạch vốn giao: 2.314 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn năm 2023 sang 2024 789 triệu đồng; giao năm 2024 1.525 triệu đồng*). Thực hiện cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện. Thời điểm báo cáo đang triển khai thực hiện. Dự kiến 31/12/2024 giải ngân 100%.

Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

Tổng vốn giao: 8.819 triệu đồng, ước thực hiện giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100% kế hoạch vốn giao.

Năm 2022: Kế hoạch vốn giao: 1.603 triệu đồng, cụ thể:

- Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn 1.070 triệu đồng: Thực hiện sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện, chưa giải ngân. Chuyển nguồn sang năm 2023.

- Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 293 triệu đồng. Chuyển nguồn sang năm 2023.

- Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững 240 triệu đồng, Chuyển nguồn sang năm 2023.

Năm 2023: Tổng nguồn vốn được sử dụng: 5.026 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023 1.603 triệu đồng; giao năm 2023 3.423 triệu đồng*), ước giải ngân 21/12/2023 đạt 100%, cụ thể:

- Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: 2.902 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn năm 2022 sang 2023 1.070 triệu đồng; giao 2023 1.832 triệu đồng*), trong đó:

+ Vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023: 1.070 triệu đồng, thực hiện sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm giáo dục nghề nghiệp-GDTX huyện. Giải ngân 1.055/1.070 triệu đồng, đạt 98,6%. Chuyển nguồn sang năm 2024 15 triệu đồng.

+ Vốn giao năm 2023: 1.832 triệu đồng, thực hiện đào tạo nghề. Đến 31/12/2023 không thực hiện. Chuyển nguồn sang năm 2024.

- Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 1.250 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023 293 triệu đồng; giao năm 2023 957 triệu đồng*). Đến 31/12/2023 không thực hiện. Chuyển nguồn sang năm 2024.

- Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững: 874 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn năm 2022 sang 2023 240 triệu đồng; giao 2023 634 triệu đồng*), trong đó:

+ Vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023: 240 triệu đồng, thực hiện in, phổ thông phiếu thu thập thông tin lao động, giải ngân 30/240 triệu đồng, đạt 12,5% kế hoạch vốn giao. Chuyển nguồn sang năm 2024 210 triệu đồng.

+ Vốn giao năm 2023: 634 triệu đồng. Đến 31/12/2023 không thực hiện.

Chuyển nguồn sang năm 2024.

Năm 2024: Tổng kinh phí thực hiện: 7.734 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 3.941 triệu đồng; giao 2024 3.793 triệu đồng*), ước giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100% kế hoạch vốn giao. Cụ thể:

- Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn là 3.913 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 1.847 triệu đồng; giao 2024 2.065 triệu đồng*). Hiện nay đang thực hiện chiêu sinh công tác đào tạo nghề (sử dụng nguồn chuyển nguồn năm 2023 sang 2024). **Số giao năm 2024 2.065 triệu đồng, hiện nay đang rà soát điều chỉnh nhiệm vụ theo Nghị quyết số 111.**

- Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là **2.205 triệu đồng** (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 1.250 triệu đồng; giao 2024 955 triệu đồng*). **Đang đang rà soát điều chỉnh nhiệm vụ theo Nghị quyết số 111.**

- Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững là 1.617 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 844 triệu đồng; giao 2024 773 triệu đồng*). Đang triển khai công tác thu thập thông tin lao động, ước thực hiện 31/12/2024 giải ngân 100% kế hoạch.

Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

Tổng kinh phí được bố trí thực hiện 29.560 triệu đồng.

Năm 2023: Nguồn vốn giao: 12.060 triệu đồng, hỗ trợ nhà ở cho 299 hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn huyện (*trong đó, hỗ trợ làm mới 285 hộ, sửa chữa 14 hộ*), giải ngân 11.680/12.060 triệu đồng đạt 96,85% kế hoạch vốn. Kết dư chuyển nguồn sang năm 2024 380 triệu đồng.

Năm 2024: Nguồn vốn giao: 17.880 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 380 triệu đồng; giao 2024 17.500 triệu đồng*). Hỗ trợ nhà ở cho 454 hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn huyện (*trong đó, hỗ trợ làm mới 440 hộ, sửa chữa 14 hộ*). Ước giải ngân đến 31/12/2024 đạt 100% vốn giao.

Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

Tổng kinh phí giao thực hiện 760 triệu đồng, cụ thể:

Năm 2022: Kế hoạch vốn giao 72 triệu đồng, thực hiện viết tin bài, phóng sự tuyên truyền chương trình giảm nghèo trên địa bàn. Kết quả giải ngân 72/72 triệu đồng, đạt 100%.

Năm 2023: Kế hoạch vốn giao 325 triệu đồng, thực hiện viết tin bài, phóng sự tuyên truyền chương trình giảm nghèo trên địa bàn. Kết quả 31/12/2023 thực hiện giải ngân được 267/325 triệu đồng, đạt 82,15% kế hoạch giao. Chuyển nguồn sang năm 2024 58 triệu đồng.

Năm 2024: Tổng vốn 421 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 58 triệu đồng; giao 2024 363 triệu đồng*). Ước thực hiện đến 31/12/2024 đạt 100%

vốn giao. Thực hiện viết tin bài, phóng sự tuyên truyền chương trình giảm nghèo trên địa bàn.

Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Tổng kinh phí thực hiện dự án 3.458 triệu đồng, cụ thể:

Năm 2022: Kế hoạch vốn giao 749 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 1:* Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình với kinh phí 543 triệu đồng. Triển khai 06 lớp, với 684 người tham gia.

Nội dung: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo xã trên địa bàn huyện, giải ngân 537/543 triệu đồng, đạt 98,89% kế hoạch. Chuyển nguồn sang 2023 6 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 2:* Giám sát, đánh giá với kinh phí 206 triệu đồng, thực hiện kiểm tra, đánh giá chương trình, giải ngân 13/206 triệu đồng, đạt 6,31% kế hoạch. Chuyển nguồn sang năm 2023 193 triệu đồng.

Năm 2023: Tổng nguồn vốn được sử dụng năm 2023: 1.377 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023 199 triệu đồng; giao 2023 1.178 triệu đồng*). Hết 31/12/2023 giải ngân 1.046/1.377 triệu đồng, đạt 75,96% kế hoạch vốn, cụ thể:

- *Tiểu dự án 1:* Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Kinh phí giao 858 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023 6 triệu đồng; giao 2023 852 triệu đồng*), giải ngân 696/858 triệu đồng, đạt 81,82% kế hoạch. Chuyển nguồn sang năm 2024 162 triệu đồng.

+ Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, giải ngân 593 triệu đồng.

+ Thực hiện học tập, trao đổi kinh nghiệm trong tỉnh; ngoài tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, giải ngân 103 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 2:* Giám sát, đánh giá: 519 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2022 sang 2023 193 triệu đồng; giao 2023 326 triệu đồng*), giải ngân 402/519 triệu đồng, đạt 77,46% kế hoạch. Chuyển nguồn sang năm 2024 117 triệu đồng.

Năm 2024: Tổng kinh phí giao 1.810 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 279 triệu đồng; giao 2024 1.531 triệu đồng*), cụ thể:

- *Tiểu dự án 1:* Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình là 1.233 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn 2023 sang 2024 162 triệu đồng; giao 2024 1.071 triệu đồng*).

Xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương không rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm đội ngũ cán bộ đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững. Học tập, trao đổi kinh nghiệm các mô hình giảm nghèo có hiệu quả. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện Chương trình có hiệu quả. Ước thực hiện 31/12/2024 giải ngân 100%.

- *Tiểu dự án 2:* Giám sát, đánh giá là 577 triệu đồng (*vốn chuyển nguồn*

2023 sang 2024 117 triệu đồng; giao 2024 460 triệu đồng).

Xây dựng kế hoạch tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật; Chi rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, đánh giá giữa kỳ ở các cấp. Ước thực hiện 31/12/2024 giải ngân 100%.

(Theo mẫu Phụ lục IV kèm theo)

2.3. Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

a) Kết quả thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới:

- Hiện tại, huyện Phong Thổ có 04/16 xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM chiếm 25% (Mường So, Khổng Lào, Ma Li Pho, Huổi Luông).
- Xã nông thôn mới nâng cao 0 xã, nông thôn mới kiểu mẫu 0 xã;
- Số xã đạt 15-18 tiêu chí: 0 xã;
- Số xã đạt 10-14 tiêu chí: 7 xã.
- Số xã dưới 10 tiêu chí: 5 xã.
- Bình quân đạt 12,31 tiêu chí/xã
- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn 42 triệu đồng/người/năm 2024.
- Đến thời điểm hiện tại huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới.
- Số thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 0/20 bản (theo các tiêu chí bản nông thôn mới tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lai Châu).

(Theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo)

- Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Bình quân tiêu chí toàn huyện đến hết năm 2023: 11,63 tiêu chí; bình quân 6 tháng đầu năm 2024 đạt 12,31 tiêu chí, ước thực hiện bình quân tiêu chí toàn huyện đến hết năm 2024 đạt 13,56 tiêu chí, dự kiến kết quả thực hiện bình quân tiêu chí toàn huyện đến hết năm 2025 đạt 16,5 tiêu chí. Cụ thể như sau:

** Đánh giá các tiêu chí xã NTM theo Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND tỉnh.*

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới (được công nhận giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu) có 04 xã, gồm: Mường So, Khổng Lào, Ma Li Pho, Huổi Luông, chiếm 25%; xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 12 xã, chiếm 75%.

- Thực hiện rà soát các tiêu chí theo Quyết định 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND tỉnh, đến nay huyện Than Uyên đạt bình quân 12,31 tiêu chí/xã; trong đó:

- + Xã đạt 19 tiêu chí: 4 xã.
- + Xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 0 xã.
- + Xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 07 xã.

+ Xã đạt dưới 10 tiêu chí: 05 xã.

* *Đánh giá theo QĐ số 43/QĐ- UBND (các thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn).*

- Số thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí nông thôn mới tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh là 0 thôn, bản. Dự kiến năm 2025 công nhận 22 thôn bản trên địa bàn 12 xã đặc biệt khó khăn

b) Kết quả thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình.

- *Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch.*

Tiêu chí số 01- Quy hoạch: Đến nay đã có 16/16 xã đã có Quy hoạch chung được duyệt và được công bố, công khai đúng thời hạn. Đồng thời ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch. Kết quả 16/16 xã đạt tiêu chí số 01.

- *Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị.*

a) Tiêu chí số 02 - Giao thông: Có 05/16 xã cơ bản đã đạt tiêu chí Giao thông (*Mường So, Khổng Lào, Ma Li Pho, Huổi Luông, Sỉ Lở Lầu*): Tiếp tục quản lý, duy tu, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường giao thông nông thôn để đáp ứng yêu cầu đi lại của người dân. Đồng thời tạo sự đồng thuận và tự nguyện của Nhân dân trong việc thực hiện đóng góp ngày công lao động, hiến đất để làm đường. Kết quả cụ thể:

- *Tiêu chí 2.1:* Tổng số km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 159,18/166,1km, đạt 95,8%. Có 14/16 xã đạt Tiêu chí² (còn 2 xã chưa đạt Tiêu chí này là *Dào San* và *Mù Sang*).

- *Tiêu chí 2.2:* Tổng số chiều dài đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 131,64/185,15km, đạt 71,1%. Có 11/16 xã đạt Tiêu chí (*Mường So, Khổng Lào, Huổi Luông, Ma Li Pho, Bản Lang, Hoang Thèn, Đào San, Tung Qua Lìn, Pa Vây Sừ, Mồ Sỉ San, Sỉ Lở Lầu*).

- *Tiêu chí 2.3:* Đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm đạt 188,4/221,97km, đạt 84,88%. Có 11/16 xã đạt Tiêu chí (*Mường So, Khổng Lào, Huổi Luông, Ma Li Pho, Lản Nhì Thàng, Hoang Thèn, Nậm Xe, Tung Qua Lìn, Pa Vây Sừ, Sỉ Lở Lầu, Vàng Ma Chải*).

- *Tiêu chí 2.4:* Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt 116,28/279km, đạt 41,68%. Có 7/16 xã đạt Tiêu chí (*Mường So, Khổng Lào, Huổi Luông, Ma Li Pho, Đào San, Mồ Sỉ San, Sỉ Lở Lầu*)

b) Tiêu chí số 03 - Thủy lợi và PCTT: Có 16/16 xã đã đạt tiêu chí.

² Xã Đào San không đạt do còn đoạn tuyến đi bản Ma Can chưa được cứng hóa. Xã Mù Sang còn tuyến 1,2km từ trạm biên phòng đến cầu Lùng Than.

- **Tiêu chí 3.1:** Tiếp tục thực hiện quản lý duy trì hoạt động 190 công trình thủy lợi trên địa bàn huyện với tổng chiều dài 385km (*trong đó kiên cố 322,2km chiếm 83,7%*). Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 94,03%. UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã tổ chức quản lý vận hành công trình thủy lợi đảm bảo theo quy định; thực hiện nạo vét duy tu, sửa chữa, đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh³.

- **Tiêu chí 3.2.** Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: 16/16 xã có phương án phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ như: Tổ chức kiện toàn Ban chỉ huy, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, kiện toàn Tổ sung kích cộng đồng; xây dựng Kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và thực hiện đảm bảo công tác phòng chống thiên tai theo quy định.

c) Tiêu chí số 04- Điện: Có 16/16 xã đạt tiêu chí

Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác quản lý, khai thác, vận hành, duy tu, sửa chữa, nâng cấp hệ thống Điện lưới quốc gia. Đến nay 16/16 xã đã có hệ thống điện đạt chuẩn; 99,25% số hộ có đăng ký trực tiếp và sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn ($\geq 95\%$).

d) Tiêu chí số 5- Trường học: Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nâng cấp, sửa chữa các phòng học, phòng chức năng và các công trình phụ trợ của trường học. Đến nay số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu: 45/45 trường; trong đó số trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu mức độ 1 là 25/45 trường (*đạt 55,56%*). Kết quả có 9/16 xã đạt tiêu chí về Trường học (*Mường So, Khổng Lào, Ma Li Pho, Huổi Luông, Lản Nhì Thàng, Nậm Xe, Hoang Thèn, Đào San, Bản Lang*).

e) Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hoá: Có 5/16 xã đã được công nhận đạt tiêu chí (*Mường So, Ma Li Pho, Khổng Lào, Huổi Luông, Lản Nhì Thàng*);

- **Tiêu chí 6.1.** Có 13 xã có nhà văn hóa xã (*Huổi Luông, Hoang Thèn, Lản Nhì Thàng, Bản Lang, Nậm Xe, Khổng Lào, Sì Lở Lầu, Vàng Ma Chải, Mò Sì San, Pa Vây Sừ, Tung Qua Lìn, Ma Li Pho, Sin Suối Hồ*). Tuy nhiên 02 xã chưa có nhà văn hóa (*Đào San, Mù Sang*), 01 xã (*Mường So*) đã được công nhận đạt nhưng chưa có nhà văn hóa xã đạt theo Tiêu chí theo Quyết định 1285.

- **Tiêu chí 6.2:** Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: Hiện, một số xã mới có sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã hoặc có nhà văn hóa xã. Tuy nhiên chưa được đầu tư trang thiết bị phù hợp. Kết quả 16/16 xã chưa đạt tiêu chí.

- **Tiêu chí 6.3:** Toàn huyện (*xã Nông thôn mới*) có 140/163 thôn, bản có nhà văn hóa, phục vụ sinh hoạt cộng đồng, trong đó có 05/16 xã đảm bảo tiêu chí 100% bản có nhà văn hóa (*Mường So, Ma Li Pho, Khổng Lào, Lản Nhì Thàng, Pa Vây Sừ*), 11/16 xã còn lại chưa đảm bảo tiêu chí. Bên cạnh đó, một số Nhà văn hóa

³ Tổ chức kiện toàn Ban chỉ huy, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, kiện toàn thành lập Tổ sung kích cộng đồng; xây dựng Kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và thực hiện đảm bảo công tác phòng chống thiên tai.

hiện tại chưa đảm bảo diện tích yêu cầu theo Hướng dẫn số 1807/HD-BVHTTDL ngày 26/4/2024 của Bộ Văn hóa thể thao và du lịch.

g) Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại: Có 16/16 xã đạt tiêu chí.

Trên địa bàn huyện có 04 chợ đạt chuẩn theo quy định (*Mường So, Đào San, Vàng Ma Chải, Sì Lở Lầu*), phục vụ nhu cầu người dân trong việc trao đổi, mua bán, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, các điều kiện về vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy tại các chợ cơ bản được đảm bảo. Ngoài ra, đối với các xã chưa có chợ hoạt động theo quy định đều có các hộ có kinh doanh thương mại ở trung tâm các xã, sử dụng chung chợ với các xã lân cận và có các điểm thu mua, cung ứng hàng hóa đáp ứng sản xuất, tiêu dùng trên địa bàn đáp ứng theo quy định tại Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công Thương.

h) Tiêu chí số 8- Thông tin và truyền thông: Có 13/16 xã đạt tiêu chí (03 xã không đạt tiêu chí gồm *Sì Lở Lầu, Vàng Ma Chải, Đào San*).

- **Tiêu chí 8.1:** Xã có điểm phục vụ bưu chính 16/16 xã có điểm phục vụ bưu chính (*điểm bưu điện*): có điểm phục vụ bưu chính đặt tại trung tâm UBND xã, có treo biển tên điểm phục vụ, có nhân viên phục vụ, thời gian phục vụ từ 4h đến 8h/ngày, có thực hiện dịch vụ đóng gói, vận chuyển hàng hóa theo quy định

- **Tiêu chí 8.2.** Trên địa bàn huyện có 16/16 xã với 163 thôn/bản có dịch vụ viễn thông, internet.

- **Tiêu chí 8.3:** Có 15 xã có trạm truyền thanh, 8 xã đang sử dụng đài ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (*Huổi Luông, Hoang Thèn, Sin Suối Hồ, Mường So, Lản Nhì Thàng, Bản Lang, Nậm Xe, Khổng Lào*) và 7 xã đang sử dụng đài không dây FM: *Sì Lở Lầu, Vàng Ma Chải, Mỏ Sì San, Pa Vây Sừ, Tung Qua Lìn, Mù Sang, Ma Li Pho*. Tuy nhiên, hiện tại, hệ thống loa truyền thanh đến các bản đều dễ bị hư hỏng, kinh phí khắc phục sửa chữa hạn chế, nên việc duy trì bền vững Tiêu chí loa truyền thanh đến các bản gặp nhiều khó khăn (*132/163 bản có hệ thống loa đang hoạt động*).

- **Tiêu chí 8.4:** Hiện 16/16 xã đảm bảo tỉ lệ máy vi tính/số cán bộ công chức trên 80%, đang sử dụng 3 phần mềm: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Hệ thống một cửa điện tử. Có 1 xã có trang thông tin điện tử (*xã Sin Suối Hồ*), dự kiến hết năm 2024 có 16 xã có Trang thông tin điện tử. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã: 16/16 xã đạt từ 34,5% trở lên.

i) Tiêu chí số 9- Nhà ở dân cư: Hiện có 5 xã đã được công nhận đạt tiêu chí (*Mường So, Khổng Lào, Ma Li Pho, Huổi Luông, Lản Nhì Thàng*).

- **Tiêu chí 9.1.** Trên địa bàn huyện hiện còn 363 nhà tạm, dột nát. Hiện có 5 xã được công nhận đạt tiêu chí (*Mường So, Khổng Lào, Ma Li Pho, Huổi Luông, Lản Nhì Thàng*). Tuy nhiên xã Huổi Luông, Ma Li Pho chưa đạt theo bộ tiêu chí theo Quyết định 1285.

- *Tiêu chí 9.2.* Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các hộ dân chỉnh trang, xây dựng nhà cửa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng. Hiện có 13.361/15.646 hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố, đạt 85,67%, năm 2024 dự kiến hỗ trợ 490 nhà ở cho người dân. Có 16/16 xã đạt chuẩn quy định. Tuy nhiên, nhà ở chủ yếu là nhà truyền thống, diện tích trung bình mỗi nhà đạt 50m², còn thiếu diện tích sinh hoạt tối thiểu như bếp, nhà vệ sinh, các công trình phù trợ khác...

- *Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.*

a) Việc triển khai thực hiện cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn:

- Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ cấu cây trồng, ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực được xác định trong Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với kinh tế cửa khẩu của huyện và Đề án nông nghiệp hàng hóa tập trung, Đề án phát triển rừng bền vững của tỉnh.... Đến nay trên địa bàn huyện đã hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn gắn với ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất như: Trồng 584,27ha cây mắc ca, 754,2ha chè, 987,74ha cây dong riềng, 780,86ha cây khoai sọ, 20,75ha cây chanh leo, diện tích cây ăn quả đạt 2.736,99ha giảm 1.161,01ha so với cùng kỳ⁴.... Tiếp tục duy trì và phát triển một số cây dược liệu quý với diện tích 18,469ha (đặc biệt là cây sâm Lai Châu 17,939ha, thất diệp nhất chi hoa 0,53ha, Hoàng Tinh 4000 cây...).

- Tiếp tục duy trì chăn nuôi theo quy mô tập trung, toàn huyện có 17 cơ sở chăn nuôi (trong đó: 03 cơ sở chăn nuôi trâu, bò; 02 cơ sở chăn nuôi ngựa; 06 cơ sở chăn nuôi dê; 06 cơ sở nuôi lợn theo quy mô trang trại); Tổng đàn gia súc hiện có là 39.668 con, đạt 81,93% so với kế hoạch (tăng 3.753 con so với cùng kỳ năm 2023). Trong đó: đàn trâu 9.463 con (giảm 443 con so với cùng kỳ năm 2023); đàn bò 1.179 con (giảm 121 con so với cùng kỳ năm 2023)⁵; đàn lợn 29.026 con (tăng 4.317 con so với cùng kỳ năm 2023). Tổng đàn gia cầm 170.052 con, đạt 84,19% so với kế hoạch (tăng 26.272 con so với cùng kỳ năm 2023).

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện là 43,77 ha (tăng 0,47ha so với cùng kỳ năm trước); tổng sản lượng nuôi trồng và đánh bắt ước đạt 80,4 tấn (trong đó sản lượng nuôi trồng là 46 tấn; sản lượng đánh bắt là 2,4 tấn; nuôi cá nước lạnh 32 tấn), tăng 9,64 tấn so với cùng kỳ năm trước⁶

⁴ Nguyên nhân giảm do một số diện tích cây chuối bị thoái hóa, sâu bệnh, kém hiệu quả được người dân chuyển đổi sang trồng dong riềng, khoai sọ, sắn, chè... mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

⁵ Đàn bò giảm là do nguyên nhân Nhân dân ở một số xã (Lân Nhi Thành, Ma Li Pho, Bản Lang) chuyển đổi sang phương thức chăn nuôi khác.

⁶ Nguyên nhân do các xã Tung Qua Lin, Sin Suối Hồ, Pa Vây Sừ Nhân dân mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.

- Tập trung quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có gắn với cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng. Tổng diện tích rừng hiện có trên địa bàn huyện 46.566,64ha, tăng 87,14ha so với cùng kỳ năm 2023, độ che phủ rừng (*tính cả diện tích cao su*) đạt 44,33% đạt 99,76% KH⁷. Diện tích khoán bảo vệ rừng 6 tháng đầu năm là 44.101,01ha, đạt 100,03% kế hoạch. Triển khai trồng mới 88,5/75ha Quế.

b) Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn:

- Tiếp tục tuyên truyền và triển khai kế hoạch thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), dự kiến đến hết năm 2024 có 17 sản phẩm của 07 chủ thể tham gia đạt OCOP (12 sản phẩm đánh giá mới, 05 sản phẩm đánh giá lại). Lũy kế đến thời điểm báo cáo toàn huyện có 23 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên (trong đó 22 sản phẩm Nông nghiệp, 01 sản phẩm về du lịch); Có 01 sản phẩm - Hồng Trà Mồ Sì Sơn được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Lai Châu năm 2023); tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến quảng bá các sản phẩm nông nghiệp thông qua các hội chợ, lễ hội, đưa 100% sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử...

c) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- ***Tiêu chí 10 - Thu nhập:*** Có 04 xã đã được công nhận đạt tiêu chí thu nhập (Mường So, Khổng Lào, Ma Li Pho, Huổi Luông). Tuy nhiên đến hết năm 2023 có 02 đạt tiêu chí về Thu nhập (Mường So, Huổi Luông) theo Quyết định 1285.

- ***Tiêu chí 12 - Lao động:*** Có 15/16 xã đạt tiêu chí (01 xã – Đào Sơn chưa đạt tiêu chí).

+ ***Tiêu chí 12.1.*** Tổng số lao động qua đào tạo trên địa bàn các xã là 39.443/49.568 người, đạt 79,57%. Có 15/16 xã đạt Tiêu chí (01 xã Đào Sơn chưa đạt Tiêu chí).

+ ***Tiêu chí 12.2.*** Tổng số lao động qua đào tạo được cấp bằng cấp, chứng chỉ (kể cả nam và nữ) trên địa bàn các xã là 25.646/49.568 người, đạt 51,74%, có 16/16 xã đạt Tiêu chí.

- ***Tiêu chí 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế:*** Có 7/16 xã đã được công nhận đạt tiêu chí (Mường So, Khổng Lào, Ma Li Pho, Huổi Luông, Mồ Sì Sơn, Vàng Ma Chải, Lán Nhì Thàng) tăng 01 xã đạt tiêu chí so với năm 2023 (Lán Nhì Thàng).

+ ***Tiêu chí 13.1.*** Trên địa bàn các xã hiện có 37 hợp tác xã/16 xã; trong đó các xã đều có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012. Có 15/16 xã đạt chuẩn tiêu chí. Tuy nhiên 01 xã Khổng Lào đã được công nhận đạt chuẩn nhưng chưa đạt theo Quyết định 1285 (do không có HTX hoạt

⁷ Nguyên nhân tăng là do diện tích khoanh nuôi tái sinh tự nhiên được bảo vệ tốt, một số diện tích rừng trồng đã chuyển thành trạng thái thành rừng.

động hiệu quả).

+ *Tiêu chí 13.2.* Hiện có 16/16 xã có 30 mô hình chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững như chuỗi liên kết chanh leo, chuối, khoai sọ, dong riềng, lúa tẻ râu, lê, xoài... Các loại cây trồng liên kết đều là các sản phẩm thế mạnh, chủ lực của địa phương.

+ *Tiêu chí 13.3:* Hiện có đã công nhận 07 xã; tuy nhiên mới có 04 xã Mò Sì San, xã Vàng Ma Chải, Mường So, Lán Nhì Thàng đạt Tiêu chí⁸. Còn 03 xã (*Không Lào, Ma Li Pho, Huổi Luông*) chưa đạt tiêu chí theo Quyết định số 1285.

+ *Tiêu chí 13.4:* Trên địa bàn huyện không có làng nghề.

+ *Tiêu chí 13.5:* Hiện 16/16 xã đã thành lập tổ khuyến nông cộng đồng theo hướng dẫn tại Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tuy nhiên, hiện tại các tổ khuyến nông cộng đồng chưa có kinh phí, định hướng để hoạt động hiệu quả.

- *Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.*

IV. TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 111/2024/QH15 NGÀY 18/01/2024 CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Thực hiện Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh; UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan thường trực tham mưu rà soát, tổng hợp báo cáo những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các tiểu dự án, dự án để tổng hợp những nội dung nào không có khả năng thực hiện, không còn đối tượng hỗ trợ, đề xuất nhiệm vụ giải pháp để trình cấp trên xem xét quyết định, để có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo theo quy định hiện hành.

V. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TOÁN

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2024:

Đã được Thanh tra 01 cuộc thanh tra do Thanh tra huyện thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2022 và 2023 đối với 6 xã: Không Lào, Hoàng Thèn, Ma Li Pho, Mò Sì San, Tung Qua Lìn, Huổi Luông, huyện Phong Thổ.

Kết quả thực hiện các kiến nghị của Thanh tra: Kiến nghị giảm trừ qua thanh toán:

- Đối với UBND xã Không Lào giảm trừ 7.098.827 triệu đồng.
- Đối với UBND Ma Li Pho giảm trừ 9.878.292 triệu đồng.

⁸ Mò Sì San, Vàng Ma Chải: Giấy chứng nhận được liệu đạt GACP-WHO do Cục quản lý y, dược cổ truyền – Bộ Y tế chứng nhận đối với cây sâm Lai Châu, diện tích 2,4ha tại xã Vàng Ma Chải (0,9ha) và Mò Sì San (1,5ha). Mường So, Lán Nhì Thàng được chứng nhận chứng chỉ ISO của Công ty TNHH MTV trường giang Lai châu về sản xuất và chế biến Mắc ca.

- Đối với UBND xã Huồi Luông giảm trừ: 29.478.626 triệu đồng.
- Đối với UBND xã Tung Qua Lìn giảm trừ 15.190.124 triệu đồng.
- Đối với UBND xã Mò Sì San giảm trừ: 6.500.573 triệu đồng.
- Đối với UBND xã Hoang Thèn: Chưa đảm bảo đầy đủ thủ tục trong lựa chọn xây lắp thực hiện thi công các công trình dự án.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2024

- Để triển khai công tác kiểm tra việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn, ngày 03/10/2022, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 304/KH-UBND về kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022; căn cứ kế hoạch trên, ngày 29/10/2022, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 2986/QĐ-UBND thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022. Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 18/7/2023 của UBND huyện Phong Thổ, về Tổ chức thực hiện nội dung Tiểu dự án 3, Dự án 10: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Phong Thổ năm 2023.

- Thực hiện Quyết định thanh tra số 388/QĐ-TTr ngày 24/8/2023 của Chánh Thanh tra Ủy ban Dân tộc về thanh tra việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi và một số chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc tại tỉnh Lai Châu. Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 22/11/2023, Đoàn thanh tra tiến hành làm việc với UBND huyện Phong Thổ. Tại Kết luận thanh tra số 115/KL-TTr ngày 01/4/2024 của Thanh tra Ủy ban Dân tộc UBND huyện đã ban hành công văn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, tổ chức triển khai thực hiện Kết luận thanh tra số 115/KL-TTr ngày 01/4/2024 của Thanh tra Ủy ban Dân tộc, về việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và một số chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc tại tỉnh Lai Châu. Ngày 06/5/2024 UBND huyện đã tổ chức họp kiểm điểm đối với những tổ chức, cá nhân trong tham mưu tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Kết luận thanh tra của Ủy ban Dân tộc.

3. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2024

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo tiến độ thực hiện các Chương trình được đưa vào Chương trình công tác năm của UBND huyện, theo đó định kỳ 06 tháng, các đơn vị thực hiện, các đơn vị được giao quản lý, tổng hợp dự án, chương trình và cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ đạo báo cáo UBND

huyện hoặc thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan cấp trên. Qua công tác kiểm tra, giám sát, UBND huyện đã kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế được chỉ ra, góp phần đẩy nhanh, nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện Chương trình.

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Những kết quả đạt được trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2024 trên các ngành, lĩnh vực nhằm góp phần từng bước hoàn thiện các cơ sở kết cấu hạ tầng chung của toàn huyện. Tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất, đi lại, giao thương,... góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, xoá đói giảm nghèo... đồng thời thu hút các nhà đầu tư đầu tư vào các ngành, lĩnh vực có nhiều lợi thế (lĩnh vực nông - lâm, dịch vụ du lịch..) nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh của địa phương.

2. Những khó khăn, vướng mắc và tồn tại, hạn chế

2.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Chất lượng một số tiêu chí đã đạt tại một số xã đã được công nhận nông thôn mới giảm do bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 yêu cầu tiêu chí cao hơn so với giai đoạn 2015 - 2020. Cảnh quan môi trường nông thôn ở một số nơi còn chưa thực sự xanh, sạch, đẹp, tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn vẫn còn xảy ra ở một số nơi.

- Vai trò chủ thể của người dân chưa được phát huy đầy đủ, vẫn còn tư tưởng, trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

- Việc liên kết, hợp tác sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn hạn chế, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa nhiều, chưa thu hút được doanh nghiệp, các thành phần kinh tế có tiềm lực đầu tư vào nông nghiệp.

- Việc huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn; vốn ngân sách nhà nước (kể cả vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác) còn thiếu so với yêu cầu.

- Trong công tác chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện chương trình ở một số nơi, một số đơn vị còn chưa quyết liệt, chưa huy động được cả hệ thống chính trị vào cuộc; vai trò phối hợp các ngành chưa cao, đặc biệt trình độ một bộ phận cán bộ, bộ phận giúp việc còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm trong triển khai thực hiện.

- Đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng nông thôn tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp.

Nguyên nhân:

- Điểm xuất phát xây dựng nông thôn mới của huyện còn thấp. Sản xuất nông nghiệp vẫn còn khó khăn, hàng hóa nông sản trên địa bàn chưa có đầu ra ổn định.

- Một bộ phận Nhân dân, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa sản xuất còn lạc hậu, chưa có điều kiện áp dụng cơ giới hóa vào nông nghiệp. Trình độ học vấn còn hạn chế nên việc tiếp thu khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa đạt yêu cầu.

- Nguồn thu nhập của Nhân dân chưa ổn định; thời tiết, khí hậu diễn biến phức tạp khó lường; thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra; giá cả và đầu ra của sản phẩm nông nghiệp không ổn định gây khó khăn trong quá trình sản xuất, thu nhập của Nhân dân.

- Nhận thức của một phần người dân còn hạn chế, vẫn còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước.

- Công tác tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới, cũng như huy động các nguồn lực xã hội cho xây dựng nông thôn mới tại các xã, thị trấn hiệu quả chưa cao. Công tác chỉ đạo của lãnh đạo một số xã có thời điểm chưa quyết liệt.

- Nguồn lực đầu tư cho thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

- Một số loại cây trồng cần nhiều công lao động, nguồn vốn đầu tư lớn, lâu được thu hoạch nên phần nào trước mắt ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống của Nhân dân.

- Một số cán bộ chính quyền xã chưa có kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới. Còn lúng túng trong tổ chức thực hiện nên chưa phát huy được cả hệ thống chính trị vào cuộc để vận động Nhân dân xây dựng nông thôn mới.

2.2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đối với dự án 1, về nội dung hỗ trợ đất sản xuất: Đến thời điểm hiện nay chưa phân bổ chi tiết được vốn đầu tư là 1.317 triệu đồng; do đã đôn đốc nhiều lần nhưng UBND các xã chưa lập được đối tượng thụ hưởng.

- Đối với tiểu dự án 2, dự án 3: Kinh phí giao cho Trung tâm Dịch vụ chưa triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ, xây dựng các liên kết mới do thiếu quy định về trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Nguyên nhân:

- Công tác khảo sát, đánh giá thực trạng, đăng ký nhu cầu thực hiện các nội dung, kế hoạch vốn từng dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình của các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chặt chẽ, đồng bộ và chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, dẫn đến việc lập báo cáo tiền khả thi chưa sát với nhu cầu thực tế và khi Trung ương, tỉnh phân bổ nguồn vốn còn chậm.

- Một số tiểu dự án kinh phí giao nhưng không có đối tượng thụ hưởng, do đối tượng đã được thụ hưởng của chính sách khác cao hơn như: Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, UBND các xã chưa được nhịp nhàng; đặc biệt là việc báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ là chưa được thường xuyên, để cơ quan thường trực tổng hợp.

- Lãnh đạo một số xã, cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ chưa chủ động trong công việc được giao; chưa chịu khó nghiên cứu các văn bản để triển khai thực hiện và một số cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện Chương trình MTQG chưa chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn được giao.

- Công tác tuyên truyền triển khai thực hiện Chương trình còn nhiều hạn chế, chưa sâu rộng đến cán bộ, công chức ở cơ sở, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; một số địa phương chưa có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, nhiều cán bộ, công chức cấp xã còn chưa nắm được mục đích, ý nghĩa, nội dung và phương thức tổ chức thực hiện Chương trình.

- Công tác triển khai lập hồ sơ, dự toán thực hiện các dự án của UBND các xã được giao làm chủ đầu tư còn rất chậm.

2.3. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia nhưng thực chất bắt đầu thực hiện trong giai đoạn 2022-2025.

Lý do, năm 2021 vẫn tiếp tục duy trì chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 dẫn đến tỷ giảm hộ nghèo còn thấp dự kiến đến hết giai đoạn phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (Phấn đấu đến năm 2025 giảm 1/2 số hộ nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều).

- Bước sang giai đoạn 2021-2025, xây dựng NTM đang gặp phải rất nhiều khó khăn khi một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM có sự thay đổi theo hướng nâng cao. Theo đó, các xã chưa đạt hoặc đã đạt chuẩn tiếp tục thực hiện xây dựng xã NTM nâng cao sẽ gặp nhiều vướng mắc trong thực hiện. Do vậy xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn khó đạt được tiêu chí đủ trong giai đoạn này.

- Các văn bản quy định, hướng dẫn của chương trình từ Trung ương đến tỉnh ưu tiên thực hiện 2 hình thức Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nên trên địa bàn huyện có rất ít hoặc không có các đơn vị đủ năng lực đáp ứng yêu cầu tham gia các dự án liên kết, khó khăn triển khai thực hiện.

- Các chính sách hỗ trợ của các chương trình MTQG còn trùng đối tượng, trùng nội dung hỗ trợ dẫn đến khó khăn trong thực hiện giải ngân.

- Đội ngũ thực hiện công tác giảm nghèo chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủ yếu kiêm nhiệm, một công chức còn làm nhiều công việc dẫn đến công tác nghiên cứu văn bản chưa được kịp thời.

Nguyên nhân

- Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn đầu nguồn

vốn giao mượn. Một số văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành còn chậm. Công tác chỉ đạo điều hành của một số cấp ủy Đảng, chính quyền còn lúng túng. Nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn hỗ trợ của Nhà nước, lười làm, chưa tự giác phấn đấu vượt nghèo. Huy động nguồn lực trong nhân dân tham gia phối hợp thực hiện Chương trình chưa được nhiều.

- Một số cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn chưa thực hiện việc báo cáo định kỳ tiến độ, kết quả thực hiện chương trình về cơ quan thường trực theo quy định. Nên khi có khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình chưa được cấp trên kịp thời đưa ra phương án xử lý, tháo gỡ.

- Tiến độ thực hiện các dự án còn chậm do văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên chậm, chông chéo; một số văn bản đã ban hành còn khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung; một số dự án đã đề ra theo kế hoạch nhưng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể. Mặt khác, đối tượng thực hiện của các chương trình chủ yếu là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ neo đơn việc đối ứng kinh phí gặp những khó khăn nhất định.

- Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện cao, áp lực lớn, khó khăn trong việc giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm.

- Thời tiết, khí hậu, thiên tai, mưa lũ, sạt lở thường xuyên xảy ra gây thiệt hại các công trình phúc lợi, đường giao thông, nhà ở hoa màu và đất canh tác nhân dân

VII. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2024 là một giai đoạn có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc dồn lực và tiếp tục thực hiện thắng lợi “mục tiêu kép”: vừa tập trung thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch COVID-19, vừa phải thực hiện có hiệu quả thắng lợi các mục tiêu phát triển KT-XH, trong đó việc triển khai kế hoạch đầu tư công được coi là một vụ **chính trị** trong tâm của toàn huyện.

2. Phải coi trọng công tác chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất để hoàn thành thủ tục đầu tư, nâng cao tính sẵn sàng, tính khả thi triển khai thực hiện dự án. Thực hiện cơ chế phân công, phối hợp rõ ràng, cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong việc hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án.

3. Ngay sau khi có kế hoạch phân bổ vốn năm hằng năm. UBND huyện yêu cầu các chủ đầu tư cần tập trung giải ngân ngay các nguồn vốn đã được bố trí cho các công trình nợ đọng xây dựng cơ bản và các công trình đã hoàn thành từ các năm trở về trước còn thiếu vốn. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng đối với các dự án khởi công mới, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thi công, quản lý chất lượng công trình, phát huy vai trò giám sát cộng đồng, đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật chất lượng công trình, dự án; yêu cầu các nhà thầu tập trung nhân lực, máy móc để thi công đảm bảo yêu cầu về tiến độ theo đúng hợp đồng đã ký kết.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện cần phải công khai, minh bạch, dân chủ trong cộng đồng để việc xây dựng kế hoạch, tiến độ thực hiện sát với điều

kiện ở cơ sở. Xác định các nội dung quan trọng để ưu tiên nguồn lực, nhân lực quyết tâm đạt được theo kế hoạch đề ra.

5. Việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; có chế tài xử lý nghiêm khắc theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công là hết sức cần thiết.

6. Một bài học quan trọng khác nữa là khi triển khai các dự án có liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng thì cần chủ động làm ngay từ đầu với phương châm “có mặt bằng sạch mới triển khai dự án”, thay vì triển khai đến đâu lại vướng đến đó.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2024-2025

I. Mục tiêu chung

Là cơ sở để huyện chủ động, linh hoạt trong quá trình triển khai thực hiện giúp đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (*đặc biệt là nguồn vốn sự nghiệp*) góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã được các cấp, các ngành giao; khai thác tiềm năng, lợi thế, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; giảm nghèo bền vững; duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; quyết tâm đưa huyện Phong Thổ thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

II. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

1) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- Tiêu chí đạt chuẩn cấp huyện: 02 tiêu chí⁹.
- Số tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 03 tiêu chí¹⁰.
- Có 6 xã¹¹ đạt chuẩn nông thôn mới;
- Không còn xã dưới 15 tiêu chí; bình quân tiêu chí trên xã 16,5 tiêu chí/xã.
- Phần đầu thu nhập bình quân đầu người của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

2) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

- Tỷ lệ giảm nghèo bình quân hằng năm 5,46%.
- Đến năm 2025: Giảm $\frac{1}{2}$ số hộ nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều; phần đầu thu nhập bình quân đầu người các hộ nghèo tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

⁹ Tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai; tiêu chí số 4 về điện.

¹⁰ Bao gồm: Tiêu chí số 2: Giao thông: Xã Mường So. Tiêu chí số 3: Thủy lợi và Phòng chống Thiên tai: Mường So, Không Lào, Ma Li Pho. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Xã Mường So.

¹¹ Mường So, Không Lào, Ma Li Pho, Huổi Luông, Hoàng Thèn, Lán Nhi Thàng.

3) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Số xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 2 xã¹²;
- Số bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí của tỉnh là 25 bản¹³;
- Phần đầu thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020.

III. Giải pháp quản lý, tổ chức thực hiện.

Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG, đặc biệt là các cơ quan đầu mối, cơ quan thường trực các Chương trình Mục tiêu quốc gia cần triển khai thực hiện một số nội dung:

- Tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện;
- Tham mưu cho UBND huyện huy động, lồng ghép các nguồn lực tổ chức thực hiện đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình;
- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện;
- Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ theo quy định;
- Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo ngay cho UBND huyện để đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Trên đây là Báo cáo Sơ kết triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2024, giải pháp nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn huyện Phong Thổ, kính báo cáo các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Lao động TB&XH, Nông nghiệp PT&NT, Ban Dân tộc tỉnh xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp&PTNT; Lao động TB&XH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Trần Bảo Trung

¹² Xã Lán Nhi Thành và xã Hoang Thèn.

¹³ Bản Pờ Xa xã Pa Vây Sừ; các bản: Huổi Luông, Séo Lèn, Mồ Si Câu, Nậm Cáy, Hoang Thèn xã Hoang Thèn; các bản: Sin Suối Hồ, Sân Bay xã Sin Suối Hồ; bản Sin Chải xã Mù Sang; bản Hợp 2 xã Đào San; các bản: Huổi Hán, Dền Thành xã Nậm Xe; bản Gia Khâu xã Si Lờ Lầu; bản Si Choang xã Vàng Ma Chải; các bản: Nà Vàng, Má Nghé, Nà Giang, Thèn Thầu, Bản Pho xã Bản Lang; bản Tân Séo Phìn xã Mồ Si San; bản Tung Qua Lìn xã Tung Qua Lìn; các bản: Hồng Thu, Séo Xiên Pho, Tô Y Phìn, Seo Pá xã Lán Nhi Thành.